

Số: 3299/QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày 27 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-UBND, ngày 18/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 58/TTr-TCKH ngày 21 tháng 12 năm 2021 và số 62/TTr-TCKH ngày 27 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công năm 2022, như sau:

Tổng vốn đầu tư công năm 2022 là: 59.475,189 triệu đồng, bao gồm:

1. Nguồn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư: 21.354 triệu đồng

2. Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 37.000 triệu đồng; trong đó:

2.1 Tiền sử dụng đất theo kế hoạch tỉnh giao: 24.000 triệu đồng

a. Trích nộp 10% tiền sử dụng đất về tỉnh: 2.400 triệu đồng

b. Số còn lại 90% để đầu tư: 21.600 triệu đồng; cụ thể:

- Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: 15.552 triệu đồng

+ Tiền sử dụng đất trên địa bàn thị trấn Chư Ty: 14.040 triệu đồng

+ Tiền sử dụng đất trên địa bàn các xã: 1.512 triệu đồng

- Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư: 6.048 triệu đồng

2.2 Tiền sử dụng đất giao tăng thu: 13.000 triệu đồng

a. Trích nộp 10% tiền sử dụng đất về tỉnh: 1.300 triệu đồng

b. Số còn lại 90% để đầu tư: 11.700 triệu đồng; cụ thể:

- Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: 8.388 triệu đồng

+ Tiền sử dụng đất trên địa bàn thị trấn Chư Ty: 7.560 triệu đồng

+ Tiền sử dụng đất trên địa bàn các xã: 828 triệu đồng

- Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư: 3.312 triệu đồng

3. Nguồn kết dư ngân sách: 1.121,189 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 01, 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các chủ đầu tư tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công năm 2022 được giao theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, các nghị định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch; Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính;
- Thường trực huyện ủy (B/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch; các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Mạnh Định

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3299/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
	TỔNG CỘNG					175.030,000	16.047,000	59.475,189		
A	Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tính phân cấp cho huyện đầu tư					43.360,000	574,000	21.354,000		
1	Duy tu, bảo dưỡng Đường Anh Hùng Núp	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	40/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2892/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	2.310,000	60,000	2.140,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
2	Trường Tiểu học Ngô Mỹ	Xã Ia Kla	Năm 2022	Xây dựng 02 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn; 01 phòng thư viện, nhà hiệu bộ; thiết bị	42/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2962/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	6.300,000	160,000	5.840,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
3	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà làm việc cấp IV, 1 Tầng, DTXD: 150 m ² và các hạng mục phụ	48/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2961/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	840,000		800,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
4	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Xã Ia Kla	Năm 2022	Nhà học 03 phòng học lý thuyết, thiết bị, sân bê tông	51/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3190/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	1.650,000		1.600,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
5	Trường Mầm non Hải Âu	Xã Ia Krêl	Năm 2022	01 phòng Mầm non: DTXD 70m ² , sân bê tông, thiết bị	52/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3019/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	520,000		500,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
6	Trụ sở UBND xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà làm việc cấp III, 01 tầng, DTXD 150 m ² và các hạng mục phụ, thiết bị	60/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 3020/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	1.570,000		1.500,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
7	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài tuyến L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bđpc=1,2m; Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021	17.800,000	214,000	6.286,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	(1)
8	Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Sân, đường nội bộ, hệ thống điện, nước và các hạng mục phụ	84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3131/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	12.110,000	140,000	2.428,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	(2)
9	Chuẩn bị đầu tư					260,000		260,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
B	Nguồn vốn tiền sử dụng đất					113.870,000	15.473,000	37.000,000		
I	Tiền sử dụng đất giao theo kế hoạch tỉnh					103.270,000	15.473,000	24.000,000		
1	Điều tiết 10% tiền sử dụng đất về tỉnh để Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính				82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	10.500,000	883,000	2.400,000	Ngân sách huyện	
2	Tiền sử dụng đất để lại cho địa phương đầu tư (huyện, xã)					92.770,000	14.590,000	21.600,000		
2.1	Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư					42.770,000	7.590,000	15.552,000		
	Tiền sử dụng đất còn lại sau khi trích nộp 10% về tỉnh							14.040,000		
	Tiền sử dụng đất 20% do cấp xã trích nộp về huyện							1.512,000		
2.1.1	Giải phóng mặt bằng các công trình huyện	Huyện Đức Cơ				12.110,000	0,000	610,000		

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
	Di tích lịch sử Chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022		84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3131/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	12.110,000		610,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Lồng ghép vốn XDCB
2.1.2	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư					23.560,000	6.260,000	12.342,000		
a	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2021-2022	Huyện Đức Cơ	1730/QĐ-UBND ngày 28/10/2020; 1999/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	2.090,000	1.600,000	440,000		Công trình chuyển tiếp
b	Đường Quy hoạch Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, Đ6, Đ8, Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021-2022	Chiều dài L=1,125km, Bn=11,9 ÷ 14,9 m, Bm= 7,5 ÷ 10,5 m, đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² ; đan rãnh bó vỉa, vỉa hè và hệ thống thoát nước	1782/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; 756/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	7.500,000	1.660,000	5.370,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Công trình chuyển tiếp
c	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường giai đoạn 2022-2024	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	82/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	2.500,000		1.200,000	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
d	Thống kê đất đai giai đoạn 2021-2023 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022-2024	Huyện Đức Cơ	81/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 3144/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	670,000		223,000	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
e	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tổ dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài L=0,72364 km, Bn=11,7 m, Bm=10,5 m; đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2773/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	5.200,000		909,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
f	Cải tạo, chỉnh trang diện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,46km. Cột thép mã kẽm H=9m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây CVV 4x16mm ² , tủ điều khiển 2 chế độ, bóng Led 150W.	72/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	2.600,000		1.200,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
h	Hỗ trợ Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương	Các xã, thị trấn	Năm 2022		280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	3.000,000	3.000,000	3.000,000	UBND các xã, thị trấn	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
2.1.3	Tiền sử dụng đất còn lại chưa phân bổ chờ hoàn chỉnh các thủ tục					7.100,000	1.330,000	2.600,000		
a	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính cấp huyện	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ		600,000		600,000	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
b	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ		500,000		500,000	Phòng Tài nguyên và Môi trường	
c	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cắm mốc quy hoạch	Huyện Đức Cơ	Năm 2022	Huyện Đức Cơ		6.000,000	1.330,000	1.500,000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
2.2	Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư					50.000,000	7.000,000	6.048,000		Chi tiết có phụ biểu kèm theo
II	Tăng thu tiền sử dụng đất					10.600,000	0,000	13.000,000		
1	Điều tiết 10% tiền sử dụng đất về tỉnh để Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính				82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh			1.300,000	Ngân sách huyện	
2	Tiền sử dụng đất để lại cho địa phương đầu tư (huyện, xã)					10.600,000	0,000	11.700,000		
2.1	Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư					10.600,000	0,000	8.388,000		
	Tiền sử dụng đất còn lại sau khi trích nộp 10% về tỉnh							7.560,000		
	Tiền sử dụng đất 20% do cấp xã trích nộp về huyện							828,000		
2.1.1	Giải phóng mặt bằng các công trình					10.600,000	0,000	1.390,000		

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư		Kế hoạch đã giao đến hết năm 2021	Kế hoạch đầu tư năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				
a	Nhà văn hóa xã Ia Din	Xã Ia Din	Năm 2022		54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	3.600,000		730,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Lồng ghép vốn XDCB
b	Trường Tiểu học Hùng Vương	Xã Ia Din	Năm 2022		55/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	7.000,000		660,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	nt
2.1.2	Tiền sử dụng đất còn lại cho đầu tư					0,000	0,000	6.998,000		
a	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tổ dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài L=0,72364 km, Bn=11,7 m, Bm=10,5 m; đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m ² và hệ thống thoát nước	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021; 2773/QĐ-UBND ngày 08/11/2021			824,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
b	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bdpc=1,2m; Mặt đường BTN, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021			5.374,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Lồng ghép vốn
c	Cải tạo, chỉnh trang diện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,46km. Cột thép mã kẽm H=9m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây CVV 4x16mm ² , tủ điều khiển 2 chế độ, bóng Led 150W.	72/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2021			800,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	
2.2	Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư							3.312,000		Chi tiết có phụ biểu kèm theo
C	Nguồn kết dư ngân sách					17.800,000		1.121,189		
	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài, L=1,347km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bdpc=1,2m; Mặt đường BTN, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021; 2561/QĐ-UBND ngày 16/10/2021	17.800,000		1.121,189	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	Lồng ghép vốn

Chú thích:

- (1) Công trình: Đường Nguyễn Văn Linh thị trấn Chư Ty, kế hoạch năm 2022: 15.706,189 triệu đồng. Trong đó: Nguồn tỉnh phân cấp theo tiêu chí: 6.286 triệu đồng; tăng thu tiền sử dụng đất: 5.374 triệu đồng; nguồn kết dư ngân sách: 1.121,189 triệu đồng; nguồn sự nghiệp giao thông: 2.925 triệu đồng (sau tiết kiệm)
- (2) Công trình: Di tích lịch sử Chiến thắng Chư Ty, kế hoạch năm 2022: 9.653,0 triệu đồng. Trong đó: Nguồn tỉnh phân cấp theo tiêu chí: 2.428 triệu đồng; nguồn tiền sử dụng đất: 610 triệu đồng (Giải phóng mặt bằng); nguồn chỉnh trang đô thị: 6.615 triệu đồng (sau tiết kiệm)

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
Nguồn vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư

(Kèm theo Quyết định số 3299/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị, địa phương	Tổng cộng	Trích nộp về tỉnh 10% để thực hiện dự án đo đạc	Điều tiết về cấp huyện 20%	Tiền sử dụng đất để lại cấp xã đầu tư	Ghi chú
1	2	3	$4 = (3) * 10\%$	$5 = ((3) - (4)) * 20\%$	$6 = (3) - (4) - (5)$	
	TỔNG SỐ	13.000,0	1.300,0	2.340,0	9.360,0	
I	Tiền sử dụng đất giao theo kế hoạch	8.400,0	840,0	1.512,0	6.048,0	
1	Xã Ia Nan	780,0	78,0	140,4	561,6	
2	Xã Ia Pnôn	390,0	39,0	70,2	280,8	
3	Xã Ia Dom	1.300,0	130,0	234,0	936,0	
4	Xã Ia Kriêng	1.840,0	184,0	331,2	1.324,8	
5	Xã Ia Krêl	3.680,0	368,0	662,4	2.649,6	
6	Xã Ia Dìn	220,0	22,0	39,6	158,4	
7	Xã Ia Dok	190,0	19,0	34,2	136,8	
II	Tăng thu tiền sử dụng đất	4.600,0	460,0	828,0	3.312,0	
1	Xã Ia Nan	420,0	42,0	75,6	302,4	
2	Xã Ia Pnôn	210,0	21,0	37,8	151,2	
3	Xã Ia Dom	700,0	70,0	126,0	504,0	
4	Xã Ia Kriêng	1.000,0	100,0	180,0	720,0	
5	Xã Ia Krêl	1.920,0	192,0	345,6	1.382,4	
6	Xã Ia Dìn	120,0	12,0	21,6	86,4	
7	Xã Ia Dok	110,0	11,0	19,8	79,2	
8	Xã Ia Kla	60,0	6,0	10,8	43,2	
9	Xã Ia Lang	60,0	6,0	10,8	43,2	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022**Kinh phí thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương***(Kèm theo Quyết định số 3299/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Xã khu vực, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Tổng số km đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó				Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn huy động	
	TỔNG SỐ		8,10	10.115,0	10.115,0	4.212,0	3.000,0	2.414,0	489,0	
1	Thị trấn Chư Ty		0,70	750,0	750,0	340,0	298,0	37,0	75,0	
2	Xã Ia Kla	II	1,00	1.200,0	1.200,0	500,0	528,0	115,0	57,0	(*)
3	Xã Ia Lang	III	1,00	1.070,0	1.070,0	580,0	384,0	53,0	53,0	
4	Xã Ia Kriêng	II	0,90	945,0	945,0	500,0		398,0	47,0	
5	Xã Ia Krêl	I	0,85	1.170,0	1.170,0	425,0	342,0	357,0	46,0	(*)
6	Xã Ia Din	I	0,50	550,0	550,0	270,0	100,0	155,0	25,0	(*)
7	Xã Ia Dơk	II		250,0	250,0		250,0			(*)
8	Xã Ia Nan	I	0,45	540,0	540,0	230,0	108,0	175,0	27,0	
9	Xã Ia Pnôn	II	1,00	1.650,0	1.650,0	540,0	990,0	60,0	60,0	(*)
10	Xã Ia Dom	I	1,70	1.990,0	1.990,0	827,0		1.064,0	99,0	

Trong đó (*): Ngân sách huyện hỗ trợ thanh toán bổ sung năm 2021, số tiền: 1.050 triệu đồng cho các địa phương, cụ thể:

- Xã Ia Din, số tiền: 50 triệu đồng
- Xã Ia Kla, số tiền: 50 triệu đồng
- Xã Ia Krêl, số tiền: 250 triệu đồng
- Xã Ia Dơk, số tiền: 250 triệu đồng
- Xã Ia Pnôn, số tiền: 450 triệu đồng

Số: 58/TTr-TCKH

Đức Cơ, ngày 21 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc xin chủ trương phân bổ vốn thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và Kênh mương trên địa bàn huyện năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ Nghị quyết số 280/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt đầu tư Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-UBND, ngày 18/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1);

Căn cứ văn bản số 225/TTr-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện về việc đăng ký danh mục các dự án thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và Kênh mương trên địa bàn năm 2022.

Phòng Tài chính - Kế hoạch lập tờ trình, kính đề nghị UBND huyện xem xét cho chủ trương phân bổ kế hoạch vốn đầu tư các dự án thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và Kênh mương trên địa bàn năm 2022 trên địa bàn cụ thể như sau:

1. Đối với UBND thị trấn Chư Ty.

Danh mục công trình, mức vốn phân bổ từ ngân sách tỉnh theo văn bản số 225/TTr-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện, ngân sách thị trấn đối ứng 5%, huy động đóng góp 10%, còn thiếu ngân sách huyện hỗ trợ.

2. Đối với UBND xã Ia Kla.

- Giảm 01 dự án Đường giao thông nội thôn Chư Bô 2 do tính phân bổ giảm so với dự kiến (dự kiến 6.048 triệu đồng, phân bổ 4.212 triệu đồng), ngân sách xã đối ứng 10%, huy động đóng góp 5%, số còn thiếu ngân sách huyện hỗ trợ.

- Hỗ trợ thêm năm 2021 do xã không cân đối được nguồn, số tiền: 50,0 triệu

3. Đối với UBND xã Ia Lang.

Danh mục công trình, mức vốn phân bổ từ ngân sách tỉnh theo văn bản số 225/TTr-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện, ngân sách xã đối ứng 5%, huy động đóng góp 5%, số còn thiếu ngân sách huyện hỗ trợ;

4. Đối với UBND xã Ia Kriêng.

Giảm 01 dự án Đường giao thông làng Ấp do tính phân bổ giảm so với dự kiến, huy động đóng góp 5%, số còn lại ngân sách xã đối ứng (ngân sách huyện không hỗ trợ do nguồn thu của xã đảm bảo).

5. Đối với UBND xã Ia Krêl.

- Giảm 01 dự án Đường giao thông tuyến 2 làng Krol do tình phân bổ giảm so với dự kiến, ngân sách huyện hỗ trợ 10%, huy động đóng góp 5%, số còn lại ngân sách xã đối ứng.

- Hỗ trợ năm 2021 cho xã để thanh toán công trình do không cân đối được nguồn, số tiền: 250,0 triệu

Lý do: Năm 2021, ngân sách huyện không hỗ trợ cho xã Ia Krêl thực hiện Chương trình. Đến nay xã không cân đối được nguồn còn nợ hơn 500,0 triệu đồng dự án Đường giao thông tuyến 2 thôn Thanh Tân; đang nợ công trình Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, số tiền: 770,0 triệu (tính cả tiền dự kiến mua thiết bị 241,0 triệu đồng)

6. Đối với UBND xã Ia Din.

Giảm quy mô công trình do tình phân bổ giảm so với dự kiến, ngân sách huyện hỗ trợ 10%, huy động đóng góp 5%, số còn lại ngân sách xã đối ứng.

7. Đối với UBND xã Ia Dok.

- Không khởi công mới công trình năm 2022 do xã không có nguồn để đối ứng mà tập trung thanh toán các công trình hoàn thành năm 2021 theo báo cáo số 420/BC-UBND ngày 15/12/2021

- Hỗ trợ để thanh toán công trình Đường làng Dok Lăh (Từ nhà ông Kpuih Tăn đi khu sản xuất) do năm 2021 chưa hỗ trợ, số tiền: 250,0 triệu

8. Đối với UBND xã Ia Nan.

Danh mục công trình, mức vốn phân bổ từ ngân sách tỉnh theo văn bản số 225/TTr-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện, ngân sách huyện hỗ trợ 20%, huy động đóng góp 5%, số còn lại ngân sách xã đối ứng.

Lý do huyện hỗ trợ 20%: Năm 2021, dự toán thu tiền sử dụng đất phân cấp cho xã 1.600 triệu đồng, xã thu được 145 triệu đồng (đạt 9% dự toán) nên không triển khai được công trình trong năm 2021.

9. Đối với UBND xã Ia Pnôn.

- Danh mục công trình, mức vốn phân bổ từ ngân sách tỉnh theo văn bản số 225/TTr-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện, ngân sách xã đối ứng 5%, huy động đóng góp 5%, số còn thiếu ngân sách huyện hỗ trợ;

- Hỗ trợ bổ sung để thanh toán 02 công trình năm 2021 huyện hỗ trợ chưa đảm bảo, số tiền: 450,0 triệu.

10. Đối với UBND xã Ia Dom.

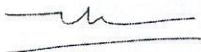
Danh mục công trình, mức vốn phân bổ từ ngân sách tỉnh cơ bản theo văn bản số 225/TTr-UBND ngày 18/10/2021 của UBND huyện; huy động đóng góp 5%, số còn lại ngân sách xã đối ứng (ngân sách huyện không hỗ trợ do nguồn thu của xã đảm bảo).

(Có biểu chi tiết công trình, mức vốn cụ thể kèm theo)

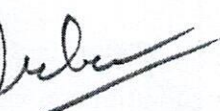
Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-TCKH.



**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Minh Tuệ

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH KIÊN CỐ HÓA HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ KÊNH MÙƠNG

TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỨC CƠ NĂM 2022

(Kèm theo văn bản số 58/TTr-TCKH, ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đức Cơ).

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng số km đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2022	Nguồn vốn			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn huy động
	TỔNG CỘNG				8,11	9.165,0	9.165,0	4.212,0	1.950,0	2.514,0	489,0
A	Dự án hạ tầng giao thông				8,11	9.165,0	9.165,0	4.212,0	1.950,0	2.514,0	489,0
I	Thị trấn Chư Ty				0,70	750,0	750,0	340,0	298,0	37,0	75,0
1	Đường Tăng Bạt Hổ	Thị trấn Chư Ty	L= 0,28 Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mức 250.	2022	0,28	300,0	300,0	140,0	115,0	15,0	30,0
2	Đường Lê Duẩn nối dài tổ dân phố 2	Thị trấn Chư Ty	L= 0,42Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mức 250.	2022	0,42	450,0	450,0	200,0	183,0	22,0	45,0

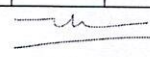
STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô thiết kế	Thời gian KC- HT	Tổng số km đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2022	Nguồn vốn			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn huy động
II	Xã Ia Kla				1,00	1.150,0	1.150,0	500,00	478,00	115,00	57,00
1	Đường giao thông nội thôn từ hộ Bích đến hộ Xuân	Thôn Ia Tang	L= 0,6Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250.	2022	0,60	690,0	690,0	300,0	287,0	69,0	34,0
2	Đường giao thông nội thôn từ hộ Thuận đến hộ Thái	Thôn Ia Tang	L= 0,4Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250.	2022	0,40	460,0	460,0	200,0	191,0	46,0	23,0
III	Xã Ia Lang				1,00	1.070,0	1.070,0	580,0	384,0	53,0	53,0
	Đường giao thông nội đồng làng Klũh Yêh	làng Klũh Yêh	L= 1,0 Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,5m; dày 16cm mác 250.	2022	1,00	1.070,0	1.070,0	580,0	384,0	53,0	53,0
IV	Xã Ia Kriêng				0,90	945,0	945,0	480,0	-	418,0	47,0
	Đường giao thông nội làng Hrang.	Làng Hrang	L= 0,9 Km; Đường bê tông, Bn = 5,0m; Bm = 3,5m; dày 16cm, mác	2022	0,90	945,0	945,0	480,0		418,0	47,0

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô thiết kế	Thời gian KC- HT	Tổng số km đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2022	Nguồn vốn			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn huy động
			250. Hệ thống thoát nước								
V	Xã Ia Krêl				0,85	920,0	920,0	425,0	92,0	357,0	46,0
1	Đường giao thông tuyến 3 thôn Lâm Tôk	Thôn Lâm Tôk	L= 0,4Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250. Hệ thống thoát nước	2022	0,40	420,0	420,0	200,0	42,0	157,0	21,0
2	Đường giao thông nội đồng thôn Ia Kăm (Đoạn từ cuối khu dân cư đến rẫy của dân)	Thôn Ia Kăm	L= 0,45Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250. Hệ thống thoát nước	2022	0,45	500,0	500,0	225,0	50,0	200,0	25,0
VI	Xã Ia Dìn				0,50	500,0	500,0	270,0	50,0	155,0	25,0
	Đường giao thông tuyến 2 làng Yít Tú	Làng Yít Tú	L= 0,50 Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,5m;	2022	0,50	500,0	500,0	270,0	50,0	155,0	25,0

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô thiết kế	Thời gian KC- HT	Tổng số km đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2022	Nguồn vốn			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn huy động
			dày 16cm mác 250.								
VII	Xã Ia Nan				0,45	540,0	540,0	230,0	108,0	175,0	27,0
1	Đường giao thông tư nhà Ông Ksor Lúu đến nhà Ông Siu Nin	Làng Tung	L= 0,2Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250.	2022	0,20	240,0	240,0	100,0	48,0	80,0	12,0
2	Đường giao thông tư nhà Ông Rơ Lan Theo xuống cánh đồng khu A	Làng Tung	L= 0,25Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250.	2022	0,25	300,0	300,0	130,0	60,0	95,0	15,0
VIII	Xã Ia Pnôn				1,00	1.200,0	1.200,0	540,0	540,0	60,0	60,0
1	Đường giao thông làng Ba	Làng Ba	L= 0,5 Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250	2022	0,50	600,0	600,0	270,0	270,0	30,0	30,0

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô thiết kế	Thời gian KC- HT	Tổng số km đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2022	Nguồn vốn			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn huy động
2	Đường giao thông làng Bua	làng Bua	L= 0,5Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250	2022	0,50	600,0	600,0	270,0	270,0	30,0	30,0
IX	Xã Ia Dom				1,71	2.090,0	2.090,0	847,0	-	1.144,0	99,0
1	Đường giao thông thôn Mook Trêl	thôn Mook Trêl	L= 0,787 Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0 m; dày 16cm mác 250; hệ thống thoát nước	2022	0,79	920,0	920,0	390,0		476,0	54,0
2	Đường giao thông thôn Mook Đen 1,2	thôn Mook Đen 1	L= 0,92132 Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mác 250; hệ thống thoát nước	2022	0,92	1.170,0	1.170,0	457,0		668,0	45,0

Ghi chú: Xã Ia Kriêng; Ia Lang và Ia Pnôn có tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên 50%



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy mô thiết kế	Thời gian KC- HT	Tổng số km đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2022	Nguồn vốn			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn huy động
2	Đường giao thông làng Bua	làng Bua	L= 0,5Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mức 250	2022	0,50	600,0	600,0	270,0	270,0	30,0	30,0
IX	Xã Ia Dom				1,71	2.090,0	2.090,0	847,0	-	1.144,0	99,0
1	Đường giao thông thôn Mook Trêl	thôn Mook Trêl	L= 0,787 Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0 m; dày 16cm mức 250; hệ thống thoát nước	2022	0,79	920,0	920,0	390,0		476,0	54,0
2	Đường giao thông thôn Mook Đen 1,2	thôn Mook Đen 1	L= 0,92132 Km; Đường bê tông, Bn = 5m; Bm = 3,0m; dày 16cm mức 250; hệ thống thoát nước	2022	0,92	1.170,0	1.170,0	457,0		668,0	45,0

Ghi chú: Xã Ia Kriêng; Ia Lang và Ia Pnôn có tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên 50%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

Kinh phí thực hiện Chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương

(Kèm theo văn bản số 58/TTr-TCKH, ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đức Cơ).

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Xã khu vực, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Tổng số km đầu tư dự kiến	Tổng mức đầu tư dự kiến	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó				Ghi chú
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn huy động	
	TỔNG SỐ		8,10	10.115,0	10.115,0	4.212,0	3.000,0	2.414,0	489,0	
1	Thị trấn Chư Ty		0,70	750,0	750,0	340,0	298,0	37,0	75,0	
2	Xã Ia Kla	II	1,00	1.200,0	1.200,0	500,0	528,0	115,0	57,0	(*)
3	Xã Ia Lang	III	1,00	1.070,0	1.070,0	580,0	384,0	53,0	53,0	(*)
4	Xã Ia Kriêng	II	0,90	945,0	945,0	500,0		398,0	47,0	
5	Xã Ia Krêl	I	0,85	1.170,0	1.170,0	425,0	342,0	357,0	46,0	(*)
6	Xã Ia Din	I	0,50	550,0	550,0	270,0	100,0	155,0	25,0	(*)
7	Xã Ia Dok	II		250,0	250,0		250,0			(*)
8	Xã Ia Nan (xã biên giới)	I	0,45	540,0	540,0	230,0	108,0	175,0	27,0	
9	Xã Ia Pnôn (xã biên giới)	II	1,00	1.650,0	1.650,0	540,0	990,0	60,0	60,0	(*)
10	Xã Ia Dom (xã biên giới)	I	1,70	1.990,0	1.990,0	827,0		1.064,0	99,0	

Trong đó (*): Ngân sách huyện hỗ trợ thanh toán bổ sung năm 2021, số tiền: 1.050 triệu đồng cho các địa phương, cụ thể:

- Xã Ia Din, số tiền: 50 triệu đồng

- Xã Ia Kla, số tiền: 50 triệu đồng
- Xã Ia Krêl, số tiền: 250 triệu đồng
- Xã Ia Đơk, số tiền: 250 triệu đồng
- Xã Ia Pnôn, số tiền: 450 triệu đồng

Số: 62/TTr-TCKH

Đức Cơ, ngày 27 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-UBND, ngày 18/12/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Phòng Tài chính - Kế hoạch, kính đề nghị UBND huyện quyết định giao kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn huyện, như sau:

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2022 là: 59.475,189 triệu đồng, bao gồm:

1. Nguồn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư: 21.354 triệu đồng

2. Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 37.000 triệu đồng; trong đó:

2.1 Tiền sử dụng đất theo kế hoạch tỉnh giao: 24.000 triệu đồng

- a. Trích nộp 10% tiền sử dụng đất về tỉnh: 2.400 triệu đồng
- b. Số còn lại 90% để đầu tư: 21.600 triệu đồng; cụ thể:
- Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: 15.552 triệu đồng
 - + Tiền sử dụng đất trên địa bàn thị trấn Chư Ty: 14.040 triệu đồng
 - + Tiền sử dụng đất trên địa bàn các xã: 1.512 triệu đồng
 - Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư: 6.048 triệu đồng
- 2.2 Tiền sử dụng đất giao tặng thu: 13.000 triệu đồng**
- a. Trích nộp 10% tiền sử dụng đất về tỉnh: 1.300 triệu đồng
- b. Số còn lại 90% để đầu tư: 11.700 triệu đồng; cụ thể:
- Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: 8.388 triệu đồng
 - + Tiền sử dụng đất trên địa bàn thị trấn Chư Ty: 7.560 triệu đồng
 - + Tiền sử dụng đất trên địa bàn các xã: 828 triệu đồng
 - Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư: 3.312 triệu đồng

3. Nguồn kết dư ngân sách: 1.121,189 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết số 01, 02, 03 kèm theo)

Kính đề nghị UBND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-TCKH.



**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Minh Tuệ